

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T**

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

V/v: *Yêu cầu hủy Quyết định hành chính*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bay

Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2018/TLST-HC ngày 24-01-2018, về việc “*Yêu cầu hủy Quyết định hành chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2021/QĐST-HC ngày 01-3-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số : 333/2021/QĐST-HC ngày 25-3-2021 của Tòa án nhân dân Huyện T, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Võ Thành S, sinh năm 1935. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Thành S: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1975- đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020.

Địa chỉ: 108 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã P– ông Huỳnh Thanh V, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã P– ông Huỳnh Thanh V – Chủ tịch –đại diện theo pháp luật, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1941. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị H: Ông Võ Thành S, sinh năm 1935. Có mặt theo giấy ủy quyền ngày 01/3/2021.

Nguyễn Thị H1, sinh năm 1937

Đồng trú: Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H1: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1975- đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và tại phiên tòa hôm nay Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông Võ Thành S yêu cầu Tòa hủy công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND xã P. Căn cứ mà ông Võ Thành S yêu cầu hủy công văn số 38 và Quyết định số 191 là vì nguồn gốc thửa đất 102, diện tích 520m² và thửa 103 diện tích 1.472m² thuộc tờ bản đồ số 17, nay là thửa số 24 và 32 thuộc tờ bản đồ số 51 tọa lạc Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định, trước đây thuộc quyền sử dụng của Đào Thị Gân và bà Phạm Thị Tùng. Ngày 04/02/1974 bà Gân và bà Tùng đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Thành S, hai bên có lập giấy bán đoạn đất trồng lặt vặt và có xác nhận của xã trưởng xã Phước Hòa. Sau đó vợ chồng ông trồng và khai thác cây và cho em ông là Võ Thị H tiếp tục khai thác. Năm 1992 vợ chồng ông Sđăng ký kê khai đất với UBND xã P, nộp thuế và sử dụng ổn định liên tục cho đến nay. Năm 2017 vợ chồng ông Slàm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó cũng có đơn khiếu nại về việc UBND xã Pkhông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sthì UBND xã P trả lời “Đất do UBND xã quản lý”, đồng thời, UBND xã P cũng cho rằng đất của vợ chồng ông S chỉ sử dụng đến năm 1977. Sau năm 1977 thì diện tích đất này đã vào Hợp tác xã nông nghiệp 1 Phước Hòa tại Công văn số 38. Ông S tiếp tục khiếu nại thì UBND xã có quyết định 191 kết luận nội dung công văn số 38. Ông S không đồng ý với nội dung của Công văn số 38 và Quyết định số 191. Vì diện tích đất trên do vợ chồng ông S mua và sử dụng, sau đó để cho em gái ông là bà H khai thác. Vợ chồng ông S từ trước đến nay là người sử dụng diện tích đất trên và nộp thuế đầy đủ, không hề đưa vào Hợp tác xã, cũng không bỏ hoang như UBND xã nêu.

Vì vậy ông S đề nghị Tòa hủy quyết định số hủy công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22- 6 -2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10-2017 của Chủ tịch UBND xã P.

Ông S có mặt tại phiên tòa không khai gì thêm và yêu cầu gì khác.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã P, ông Huỳnh Thanh V có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai trình bày: Theo nội dung khiếu nại của ông Võ Thành S cho rằng thửa đất 102, diện tích 520m² và thửa 103 diện tích 1.472m² thuộc tờ bản đồ số 17 (Hồ sơ địa chính năm 2013 thể hiện thửa số 24 và 32 thuộc tờ bản đồ số 51) tọa lạc Thôn K, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định là của vợ chồng ông, nguồn gốc vào năm 1974 vợ chồng ông mua của bà Đào Thị Gắn và bà Phạm Thị Tùng. Việc UBND xã P không xác lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông. Tuy nhiên theo kết quả đối chiếu hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã, theo bản đồ năm 1993 thửa đất 102, diện tích 520m² và thửa 103 diện tích 1.472m² thuộc tờ bản đồ số 17, do UBND xã P quản lý. Qua kết quả xác minh, trước năm 1977 gia đình ông Scó sử dụng đất hàng năm, năm 1977, diện tích này vào Hợp tác xã Nông nghiệp 1 P dùng để gieo mạ, sau đó áp dụng phương thức sạ lang nên Hợp tác xã Nông nghiệp 1 không sử dụng gieo mạ nữa mà bỏ hoang.

Năm 1993, thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, theo đề án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định và lâu dài cho hộ nông dân lập ngày 25/6/1993, được UBND Huyện T phê duyệt ngày 07/9/1993 thì số liệu ruộng đất dùng để giao quyền theo đề án chưa đo đạc mới mà sử dụng bản đồ 299 năm 1985 trên cơ sở đo chỉnh lý biến động, trong khi đó Chỉ thị số 299/TTg, ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước có Quyết định số 56/ĐKTK, ngày 05/11/1981 của Tổng cục quản lý ruộng đất về thủ tục đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước, quy định điểm 4, Phần II- Đăng ký thống kê ruộng đất ban đầu, quy định “ hết hạn kê khai đăng ký, những ruộng đất không có người kê khai đăng ký thì đất nằm trong ranh giới hành chính của xã nào thì do UBND xã ấy trực tiếp quản lý và có kế hoạch phân phối sử dụng trình UBND huyện xét duyệt...” do thửa đất này không có hộ gia đình kê khai đăng ký nên UBND xã P quản lý, sử dụng; mặt khác tại thời điểm cân đối giao quyền năm 1993 vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 là xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp I P đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đủ diện tích đất chuyên trồng lúa nước tại thửa 1134, tờ bản đồ số 16, diện tích 437m², tại thời điểm cân đối giao quyền ông Võ Thành S không có hộ khẩu tại địa phương.

Đối với các biên lai nộp thuế của ông Võ Thành S cung cấp, UBND xã P đã có công văn đề nghị Chi cục thuế Huyện T xác định vị trí thửa đất đối với các biên lai nộp thuế; Thì Chi cục thuế Huyện T ban hành công văn số 218/CCT-KK.KTT.TH, ngày 19/5/2017 với nội dung: “ Theo sổ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp 1995 đến nay mẫu số: ST1CD/TNN ban hành kèm theo Quyết định số 720-TC/TCT, ngày 21/10/1993 của Bộ tài chính thì bà Nguyễn Thị H1, địa chỉ Thôn K, xã P, tổng diện tích lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp là 701m² (trong đó hạng 1: 437m² tực danh Nha Cua, hạng 5 là 264m² tực danh vườn thừa), tổng số thuế ghi thu hàng năm là

28,8kg thóc..”.Như vậy đối với diện tích 437m², tực danh Nha Cua, thuộc thửa đất 1134, tờ bản đồ số 16, loại đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/NĐ-Cp, năm 1993 cho hộ bà Nguyễn Thị H1. Đối với diện tích 264m² đất hạng 5, đất vườn thừa, thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 17, diện tích 464m²(trong đó đất ở 200m² và đất vườn 264m²), đây là diện tích đất vườn thừa gắn liền với đất ở, thửa đất gắn liền ngôi nhà hiện nay bà Nguyễn Thị H1 và bà Võ Thị H đang sử dụng làm nhà ở). Điều đó, chứng tỏ rằng các biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp không phải vị trí thửa đất hiện nay vợ chồng ông Sxin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với vấn đề giấy bán đoạn đất trồng lật vạt đề ngày 04/02-1974 do ông Scung cấp là loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 3 Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27/01/2015 của Bộ tài nguyên Môi trường là không đúng, bởi vì điều kiện áp dụng nhưng điều khoản trên phải là Văn tự mua bán nhà ở, tặng cho nhà ở, đổi nhà ở, thừa kế nhà ở mà gắn liền với đất ở có chứng nhận của cơ quan thuộc chế độ cũ và hộ gia đình, cá nhân phải sử dụng đất ổn định (sử dụng ổn định quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai). Căn cứ Khoản 5, Điều 26 Luật đất đai năm 2013 “ Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời công hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” do Nhà nước quản lý là không đúng với quy định của Luật đất đai.

Từ những căn cứ trên, việc Chủ tịch UBND xã Pban hành Công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22-6-2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 191/QĐ-UBND, ngày 18-10-2017 là hoàn toàn đúng với quy định pháp luật nên không đồng ý hủy theo yêu cầu của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND xã Pdo ông Huỳnh Thanh V – Chủ tịch, đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có các bản trình bày: Ngoài ý kiến giống với tư cách của Người bị kiện, Người đại diện theo pháp luật bổ sung ý kiến liên quan đến nguồn gốc thửa đất bà Đặng Thị Năm, vợ ông Xí đang sử dụng, theo hồ sơ địa chính năm 1993 thể hiện thửa số 25, tờ bản đồ số 25, diện tích 370,2m² tọa lạc Thôn K, xã P. UBND xã làm việc với bà Đặng Thị Năm, vợ ông Võ Ngọc Xí liên quan đến nguồn gốc bà Năm đang sử dụng có nguồn gốc từ việc bà Võ Thị H kêu bà về ở, vì nếu không ai ở thì Nhà nước sẽ vô Hợp tác xã quản lý sử dụng. UBND xã P xác định thửa đất số 104, tờ bản đồ số 17, diện tích 220m², theo hồ sơ địa chính năm 2013, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 51, hiện nay bà Đặng Thị Năm đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do vợ chồng bà Năm lấn chiếm đất của Nhà nước để xây dựng nhà ở vào thời điểm năm

1984, từ đó sử dụng vào mục đích đất ở cho đến nay, vì vậy hồ sơ năm 1993 có thể ông Võ Ngọc Xí kê khai sử dụng, đối với việc chuyển nhượng đất đai năm 2007 là hợp đồng giao dịch dân sự giữa các bên chưa được cấp có thẩm quyền chứng thực.

Người đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ý kiến của ông Scũng là ý kiến của bà H1.

Người đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị H, ông Võ Thành S trình bày: Ý kiến của ông Scũng là ý kiến của bà H.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17,18, 31 Luật khiếu nại năm 2011, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị tuyên hủy Công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22- 6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10 -2017 của Chủ tịch UBND xã P vì nội dung không đúng với nội dung khiếu nại của ông S.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào các kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện có đơn yêu cầu hủy Công văn 38/UBND-ĐC, ngày 22- 6-2017, trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18 -10- 2017 của Chủ tịch UBND xã P, Huyện T. Thời hiệu khởi kiện được thực hiện đúng theo quy định pháp luật , nên căn cứ vào khoản 1 Điều 31, Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Huyện T.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Võ Thành S yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22- 6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10 -2017 của Chủ tịch UBND xã P, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2].1 Về thẩm quyền ban hành Công văn số 38/UBND-ĐC, ngày 22-6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10-2017 của Chủ tịch UBND xã P, Hội đồng xét xử căn cứ các đơn khiếu nại của ông Võ Thành S và căn cứ vào Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND xã P ký ban hành Công văn số 38 và Quyết định 191 là đúng thẩm quyền.

[2]. 2 Về trình tự thủ tục ban hành Công văn 38/UBND-ĐC, ngày 22-6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10-2017, Hội đồng xét xử thấy rằng : Về thể thức văn bản được ban hành đúng quy định. Về căn cứ áp dụng pháp luật trong Công văn 38 và Quyết định 191: Theo khoản 5 Điều 26, Điểm e, Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27-01-2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường được áp dụng trong Công văn số 38; Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật Khiếu nại số

02/2011/QH13, ngày 11-11-2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 75/2012/NĐ-CP, ngày 03-12-2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, Thông tư 07/2013/TT-TTCT, ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính để áp dụng trong Quyết định 191. Hội Đồng xét xử thấy rằng Chủ tịch UBND xã Páp dụng các quy định trên của pháp luật để ban hành Công văn số 38 và Quyết định 191 là đúng pháp luật. Bởi vì quá trình thực hiện chính sách ruộng đất vào Hợp tác xã, gia đình ông Võ Thành S đã đưa hai thửa đất này vào Hợp tác xã, để Hợp tác xã Nông nghiệp 1 P gieo mạ đến trước khi thực hiện khoảng 10. Đến khi thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính Phủ về kê khai, cân đối giao quyền sử dụng đất, thì hộ ông Võ Thành S không thực hiện kê khai đối với hai thửa đất trên, nên UBND xã P đã đưa hai thửa đất này vào diện UBND xã quản lý. Mặc dù bà Nguyễn Thị H1 cho rằng gia đình bà vẫn sử dụng hai thửa đất này từ năm 1991 cho đến nay và đã nộp thuế sử dụng đất. Nhưng Chi cục thuế Huyện T đã có văn bản số 218/CCT-KK.KTT.TH, ngày 19/5/2017, xác định bà H1 nộp thuế cho thửa đất nông nghiệp trồng lúa có diện tích 437m² tực danh Nha Cua, và 264m² tực danh vườn thừa của hộ gia đình bà H1 được cấp mà không phải thu thuế đối với hai thửa đất ông S nêu. Cho nên hộ ông Võ Thành S không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên là phù hợp với khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013.

[2].3. Về Nội dung của Công văn 38/UBND-ĐC, ngày 22-6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18-10-2017:

[2].3.1 Về Nội dung Công văn số 38/ QĐ- UBND, ngày 22-6-2017 của Chủ tịch UBND xã P, có nội dung giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của ông Võ Thành S đề ngày 28-5-2017 về việc UBND xã P không xác nhận đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên Chủ tịch UBND xã P ra Công văn số 38/ QĐ-UBND, 18-10-2017, với kết luận “ Từ những chứng cứ trên, việc ông yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên là không có cơ sở xem xét”. Như vậy nội dung kết luận hoàn toàn không đúng theo nội dung khiếu nại của ông Võ Thành S ghi ngày 28-5-2017 và vượt quá thẩm quyền. Bởi vì ông S khiếu nại việc UBND xã P không thực hiện việc ký xác nhận vào đơn của ông S, thì lẽ ra Chủ tịch UBND xã P phải trả lời khiếu nại là hành vi không ký xác nhận của UBND xã P đối với yêu cầu xin xác nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S là đúng hay sai, nhưng tại Công văn số 38 không có kết luận này. Hơn nữa nội dung kết luận trên là vượt thẩm quyền vì của Chủ tịch UBND xã P không có quyền xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật đất đai “Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc UBND huyện”.

[2].3.2 Về nội dung Quyết định 191/QĐ-UBND, 18-10-2017 của Chủ tịch UBND xã P, công nhận Công văn số 38/QĐ- UBND, ngày 22-6-2017 của Chủ tịch UBND xã P, nhưng Công văn này ban hành nội dung không đúng yêu cầu khiếu nại và vượt quá thẩm quyền. Do đó Quyết định 191/QĐ-UBND, 18-10-2017 cũng trái quy định pháp luật như viện dẫn trên.

Vì những căn cứ nêu trên, xét việc ông Võ Thành S yêu cầu hủy Công văn số 38/QĐ- UBND, ngày 22-6-2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, 18-10-2017 của Chủ tịch UBND xã Plà có căn cứ nên được chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : Điều 17,18,31 Luật khiếu nại năm 2011, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện ông Võ Thành S.

Hủy Công văn số 38/QĐ- UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định 191/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND xã P.

Về tiền án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã P phải chịu 300.000đ tiền án phí HCST sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí cho ông Sttheo biên lai thu tiền số 0007242 ngày 24-01-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 4 năm 2021). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Huyện T;
- P.GĐKT-TAND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS Huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Thủy

